

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2024
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mạnh Xuân Hải.
- *Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Hoàng và bà Đỗ Thị Liên.
- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên toà:* bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

2/ Bị đơn: anh **Vũ Văn V**, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Th, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa chị H, anh V vắng mặt và cùng có Đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn V trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Y, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam tổ chức đăng ký kết hôn vào năm 1997.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã

tự sống ly thân nhau từ năm 1998 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn V trình bày: Anh xác nhận thời gian, điều kiện thủ tục kết hôn giữa anh và chị H như chị H đã trình bày với Tòa án. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, anh cho rằng do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1998 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh V đều không xuất trình với Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn mà UBND xã Y đã cấp cho vợ chồng.

Về con chung: Cả chị H và anh V đều xác nhận vợ chồng không có con chung, con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; công sức; công nợ của vợ chồng: chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thị xã Duy Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn V; về con chung: không có; về tài sản chung, công sức và công nợ của vợ chồng: không đặt ra xem xét; về án phí HN&GD sơ thẩm: chị H, anh V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu ý kiến về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị H, bị đơn anh Vũ Văn V vắng mặt và cùng có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh V cùng trình bày có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào năm 1997 nhưng bị thất lạc giấy tờ kết hôn. Theo kết quả xác minh Ủy ban nhân dân xã Y cho biết: Qua rà soát sổ lưu trữ đăng ký kết hôn năm 1997 tại địa phương không còn lưu trữ nên

không cung cấp cho Tòa án chính xác được là chị H và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y hay không.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời trình bày của chị H cho rằng vợ chồng chị có được UBND xã Y đăng ký kết hôn vào năm 1997 và được anh V thừa nhận. Theo kết quả xác minh thì ông Nguyễn Đình Th – Nguyên cán bộ tư pháp xã Y (giai đoạn 1995- 2020) xác nhận ông là người đã trực tiếp làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị H và anh V năm 1997. Ngoài ra, tại thời điểm năm 1997 cả chị H, anh V đã đủ tuổi kết hôn theo Luật HN&GD năm 1987.

Do đó, mặc dù cả chị H, anh V không xuất trình được giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về quan hệ hôn nhân với Tòa án. Song căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và nhận định trên HĐXX có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V là hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng anh chị mâu thuẫn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án cần căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh V chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ khoảng năm 1998 đến nay. Quá trình Tòa án hòa giải chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V và được anh V đồng ý. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh V là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật NH&GD.

[4] Về con chung: Cả chị H và anh V cùng xác nhận vợ chồng không có con chung, con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H và anh V mỗi người phải chịu theo 75.000 đồng. Chị H tự nguyện xin nộp thay cả phần án phí của anh V.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn V.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công sức và công nợ: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị V, anh H mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Chị H tự nguyện nộp thay cả phần án phí của anh V, tổng là 150.000 đồng. Chị H được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001057 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án thị xã Duy Tiên, Hà Nam. Trả lại chị Vũ Thị H số tiền 150.000 đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- THADS thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Yên Nam;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

